

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Kính gửi: Quý Cổ đông:
Mã Cổ đông:
Số CMND/Hộ chiếu/GĐKDN:
Địa chỉ:
Số lượng cổ phần: cổ phần

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

1. **Thời gian: 08h30 ngày 28/04/2021**
2. **Địa điểm: Trụ sở Công ty - số 273 Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**
3. **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình họp đính kèm.
4. **Tài liệu Đại hội:** Quý cổ đông vui lòng xem tài liệu đại hội trên website của Công ty: <https://hanoitoserco.com.vn>, từ ngày 07/04/2021.
5. **Điều kiện tham dự:**
Tất cả cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông là 17h ngày 02/04/2021. Cổ đông không thể tham dự họp có thể ủy quyền cho người khác tham dự bằng văn bản theo mẫu của Công ty.
6. **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự:**
 - Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 theo mẫu giấy xác nhận tham dự/ủy quyền kèm theo trước 16h00 ngày 26/04/2021 bằng cách gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc fax theo địa chỉ:

PHÒNG NHÂN SỰ - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, số 273 Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3726 2626 Fax: (024) 3726 2571

- Quý Cổ đông đến dự vui lòng mang theo bản chính CMND/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền); Giấy giới thiệu (nếu đại diện cho cổ đông là tổ chức), thư mời họp và toàn bộ các tài liệu gửi theo thư mời họp.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Chung



PHẦN XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Quý cổ đông (Mã Cổ đông:.....) xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bằng cách đánh dấu (X) vào một trong các ô dưới đây:

1. Trực tiếp tham dự:
2. Ủy quyền tham dự:

Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, vui lòng điền các thông tin ủy quyền theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm Thông báo mời họp và gửi trực tiếp hoặc qua Fax theo địa chỉ sau:

PHÒNG NHÂN SỰ - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, số 273 Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3726 2626

Fax: (024) 3726 2571

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Cổ đông ký tên

(Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu là tổ chức))

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Thời gian: 8h30 ngày 28 tháng 04 năm 2021
Địa điểm: Trụ sở Công ty – số 273 Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00 – 8h30	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp khách mời, đại biểu - Kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu.
8h30 – 8h45	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông - Chào cờ, tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu tham dự.
8h45 – 09h00	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử của Đại hội. - Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội
09h00 – 09h10	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
09h10 – 09h15	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021
09h15 – 09h25	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021
09h25 – 09h50	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020; - Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020; - Tờ trình thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; - Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
09h50 – 10h05	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026. - Tổ chức bầu thành viên HĐQT, BKS: + Thông qua Thẻ lệ bầu cử. + Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, BKS. + Hướng dẫn và tổ chức bầu cử.
10h05 – 10h20	Thảo luận và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.
10h20 – 10h30	Nghỉ giải lao
10h30 – 10h40	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới
10h40 – 10h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
10h55 – 11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội

(* Nội dung chương trình đại hội có thể thay đổi và sẽ được thông qua tại Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

....., ngày tháng năm 2021



GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Bên ủy quyền:

Cổ đông:

CMND/CCCD/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần của CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

(Số cổ phần bằng chữ:))

Bên được ủy quyền:

Ông (Bà):

CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần của CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

(Số cổ phần bằng chữ:.....))

Nội dung ủy quyền:

Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

(Bằng chữ:.....))

Bên được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông cổ đông thường niên năm 2021 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội và phát biểu, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội; thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan khác của Bên ủy quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 trong phạm vi số cổ phần được ủy quyền. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên được ủy quyền và Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết không có bất cứ khiếu kiện gì đối với CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Số: 19/2021/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

(Về việc đề cử, ứng cử bầu
thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Hiện tại các thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty đã hết nhiệm kỳ. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội sẽ tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

HĐQT trân trọng thông báo đến Quý vị cổ đông có quyền dự họp về việc ứng cử, đề cử người có đủ điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty theo các điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục như sau:

I. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT/BKS: 05 năm (2021-2026)

II. Số lượng bầu thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2021 – 2026: 07 (bảy) thành viên.

III. Số lượng bầu thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2021 – 2026: 03 (ba) thành viên.

IV. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS cho nhiệm kỳ 2021 – 2026:

1. Điều kiện trở thành thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết về luật pháp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Điều kiện trở thành thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026:

- Đủ từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT/BKS. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên; từ đủ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ đủ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ đủ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ đủ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT/BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT/BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên vào HĐQT và BKS hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Thủ tục HĐQT/BKS đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT/BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

V. Hướng dẫn thủ tục và hồ sơ đề cử, ứng cử tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Hồ sơ đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026 của cổ đông hoặc nhóm cổ đông Công ty thỏa mãn các điều kiện trên bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT/BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao có công chứng các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng cử viên (nếu có).

Hồ sơ nêu trên được lập thành 01 (một) bản chính và gửi đến Trụ sở Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội theo địa chỉ sau:

Phòng Nhân sự - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 2 - Số 273 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.24). 3726 2626 Fax: (84.24). 3726 2571

Ngoài phong bì cần ghi rõ: “Hồ sơ ứng cử/đề cử ứng viên vào HĐQT/BKS”.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP HĐQT.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
NHIỆM KỲ 2021 - 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Tôi/ chúng tôi, cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội có tên dưới đây:

Mã số cổ đông	Tên cổ đông	Số cổ phần đang sở hữu tại Công ty
.....
.....
.....
.....

Theo Thông báo số 19/2021/TB-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc đề cử, ứng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 – 2026, bằng đơn này tôi/ chúng tôi xin đề cử những người có tên như sau tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

**DANH SÁCH ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Stt	Họ và tên	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Vị trí đề cử
1.
2.

Tôi/ chúng tôi cam kết người được đề cử nêu trên không vi phạm các quy định của pháp luật và Công ty, đủ điều kiện tham gia HĐQT/BKS theo quy định của pháp luật và Công ty.

Tài liệu gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

....., ngày tháng năm 2021

Cổ đông ký tên

(người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)¹

¹ Bao gồm tất cả các cổ đông tham gia đề cử



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):
CMND/ĐKKD số: Ngày cấp:..... Nơi cấp:
Địa chỉ:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... đồng.

Tôi xin ứng cử để tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu trở thành thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, tôi xin cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tài liệu gửi kèm:

- SYLL của ứng cử viên và các bằng cấp liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Ngày tháng năm 2021

Cổ đông ký tên (người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)

Ảnh (4x6)

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**CỬ ƯNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**
(Nhiệm kỳ 2021 - 2026)



1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. CMND/hộ chiếu số:.....
7. Dân tộc:
8. Quê quán:
9. Địa chỉ thường trú:
10. Số ĐT liên lạc ở cơ quan:.....
11. Trình độ văn hóa:
12. Trình độ chuyên môn:
13. Quá trình công tác:
+ Từ đến
- + Từ đến
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Hanoi Toserco:
15. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác:.....
16. Số cổ phiếu nắm giữ:
17. Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Hanoi Toserco:.....
18. Hành vi vi phạm pháp luật:
19. Những khoản nợ đối với Công ty:.....
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi
cá nhân làm việc)

....., ngày tháng năm 2021

Ứng cử viên



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3726 2626

Fax: 024 3726 2571

Mã số doanh nghiệp: 0100107155 Website: <https://hanoitoserco.com.vn>

THÔNG BÁO

Kính gửi: Các Quý cổ đông/Người đại diện cổ đông

Trước diễn biến phức tạp của Dịch bệnh Covid-19, để đảm bảo an toàn cho tất cả các Cổ đông/Người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội, Ban Tổ chức Đại hội xin thông báo:

- Cổ đông/Người đại diện phải đảm bảo sức khỏe, không có các biểu hiện sốt, ho, khó thở hoặc các triệu chứng thuộc diện nghi ngờ nhiễm Covid-19, không thuộc các trường hợp bị yêu cầu cách ly theo quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu thuộc các trường hợp nói trên.
- Các Cổ đông/Người đại diện phải nghiêm túc chấp hành việc kiểm tra thân nhiệt và sát khuẩn tay của Ban Tổ chức trước khi làm thủ tục đăng ký tham dự họp.
- Khuyến khích các Cổ đông/Người đại diện đeo khẩu trang khi đến đăng ký dự họp và trong suốt quá trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp có chỉ thị mới của Chính Phủ, UBND Tp. Hà Nội về phòng chống dịch bệnh Covid-19, Ban Tổ chức Đại hội có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn cho các Cổ đông/Người đại diện khi tham dự Đại hội.

Trân trọng thông báo!

Số: 66/BC-TGD

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Tình hình chung:

Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Hanoi Toserco phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đại dịch Covid bùng phát kéo theo những vấn đề nảy sinh chưa từng có tiền lệ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, trong đó chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ và hàng không.

Trước những thách thức đặt ra, dưới sự quan tâm chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung thực hiện các giải pháp, chính sách linh hoạt, phù hợp nhằm thực hiện tốt “nhiệm vụ kép”: vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa duy trì ổn định và phát triển kinh doanh, tận dụng tối đa những yếu tố thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2020 đã đề ra.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

- Một số chỉ tiêu chính:

(Đơn vị tính: tỉ đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỉ lệ TH/KH năm 2020
1	Doanh thu thuần bán hàng & CCDV	90	68,264	75,85 %
2	Doanh thu hoạt động tài chính	79,613	100,578	126,33 %
3	Lợi nhuận trước thuế	76,042	98,577	129,63 %
4	Lợi nhuận sau thuế	71,222	94,345	132,47 %
5	Nộp ngân sách		18,898	

(Các chỉ tiêu khác: đã được đề cập trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và gửi tới Quý vị cổ đông).

Để đạt được kết quả SXKD nêu trên trong bối cảnh khó khăn chồng chất của năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã luôn sát sao trong công tác quản lý điều hành, tăng cường triển khai các giải pháp nhằm thích ứng với trạng thái bình thường mới trước ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh.

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh:

+ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị kinh doanh trực tiếp, các phòng ban chuyên môn và toàn thể người lao động tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm, chủ động, kịp thời xây dựng các phương án, giải pháp kinh doanh khả thi nhằm ứng biến với những biến động có khả năng ảnh hưởng đến loại hình kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh các đơn vị kinh doanh trực tiếp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời đề ra các phương án về lương, về thu nhập, tạo cơ sở để các đơn vị thực hiện kế hoạch kinh doanh, cắt giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hài hòa quyền lợi của người lao động.

+ Đối với mảng kinh doanh văn phòng cho thuê: Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ như: tận dụng giai đoạn thấp điểm trong kinh doanh hoặc giai đoạn giãn cách để tập trung sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật; linh hoạt, mềm dẻo trong đàm phán ký kết hợp đồng, có chính sách hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn khó khăn, chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo an toàn vệ sinh, an toàn phòng chống dịch bệnh,... nhờ đó đã tạo được sự tin tưởng và gắn bó của các khách hàng dành cho Công ty. Về tổng thể năm 2020, tỉ lệ lấp đầy diện tích cho thuê của mảng kinh doanh cho thuê văn phòng đạt 90% công suất.

- Công tác quản lý tài chính:

+ Áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản trị hiệu quả thông tin tài chính; Quản lý sát sao công nợ khách hàng, giảm thiểu tối đa rủi ro nợ xấu.

+ Chủ động cân đối sử dụng nguồn vốn linh hoạt, đảm bảo kịp thời và đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Công ty luôn đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động. Ngay cả khi hoạt động kinh doanh gặp khó khăn nhất do ảnh hưởng của dịch bệnh, năm qua Công ty vẫn cố gắng duy trì việc đóng bảo hiểm cho 100% người lao động và hỗ trợ một phần thu nhập cho CBNV tại các đơn vị kinh doanh trực tiếp.

+ Bên cạnh nhiệm vụ SXKD, Công ty thường xuyên quan tâm chăm lo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, chế độ phúc lợi cho người lao động, qua đó đã tạo được sự tin tưởng và yên tâm gắn bó của người lao động với Công ty.



II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2021:

Năm 2021 dự báo diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới còn tiếp tục phức tạp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và hàng không tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, Ban Tổng Giám đốc xác định sẽ tập trung mọi nguồn lực, cùng với toàn thể người lao động của Công ty quyết tâm nỗ lực, cố gắng phấn đấu thực hiện các kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được HĐQT phê duyệt như sau:

(Đơn vị tính: tỉ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần bán hàng & CCDV	89,926
Doanh thu hoạt động tài chính	23,125
Lợi nhuận trước thuế	31,252
Lợi nhuận sau thuế	24,796

2. Phương hướng, nhiệm vụ triển khai trong năm 2021:

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, triển khai có hiệu quả các giải pháp trong vận hành dòng tiền để luôn đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển; Quản lý chi phí hợp lý, giám sát chặt chẽ thu hồi công nợ, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục cải tạo và nâng cấp hệ thống văn phòng cho thuê; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, xử lý nhanh và kịp thời các yêu cầu của khách thuê, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho các đối tác, khách hàng tại các địa điểm hoạt động của Công ty.
- Duy trì và phát triển các thị trường truyền thống, đồng thời nghiên cứu, phát triển các sản phẩm du lịch nội địa mới để nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút khách hàng; Thiết lập các quy định, quy trình phục vụ tour đảm bảo an toàn cho du khách để vừa phát triển kinh doanh, vừa phòng chống lây nhiễm dịch bệnh hiệu quả.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực công tác để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc; tăng cường giới thiệu, quảng bá sản phẩm cho thuê văn phòng, du lịch, vé máy bay qua các kênh như thông tin phổ biến như website, Zalo,...
- Tiếp tục áp dụng chính sách lương, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhằm khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc.
- Quản trị thông tin theo đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và cổ đông, nhà đầu tư

155
TV
KINH
DỊCH VỤ
NỘI
- T.P.H

- Quan tâm, chăm lo đời sống và thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động; thực hiện tốt các nghĩa vụ của Công ty đối với Nhà nước, với cộng đồng.

III. KẾT LUẬN:

Năm 2021 là năm sẽ tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, Ban TGD quyết tâm cùng toàn thể CBNV giữ vững sự đoàn kết nhất trí, chung sức đồng lòng, cố gắng chèo lái Công ty vượt qua khó khăn hiện tại để ổn định hoạt động SXKD, phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, khách hàng và sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của HĐQT để Hanoi Toserco luôn phát triển một cách bền vững.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Hà



Số: 10/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính thưa: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”).

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2020, kế hoạch của HĐQT năm 2021 với các nội dung sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

I. Thành viên HĐQT đương nhiệm:

Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 07 thành viên:

1. Ông Nguyễn Minh Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Lê Minh Thành - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Bà Lê Thanh Hà - Thành viên HĐQT
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thành viên HĐQT
6. Bà Vũ Thị Quỳnh Trang - Thành viên HĐQT
7. Ông Trần Ngọc Tiến - Thành viên HĐQT

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT thực hiện công tác chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều bám sát tình hình thực tiễn của Công ty. HĐQT tiến hành họp định kỳ và bất thường hoặc tiến hành lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời giải quyết các vướng mắc, chỉ đạo sát sao, kịp thời các hoạt động của Công ty nhằm đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

HDQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, với Ban Kiểm soát trong xử lý các công việc quan trọng của Công ty. Tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát tại Công ty, hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành, cùng nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

1. Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh đạt được năm 2020 như sau :

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: đạt 68,264 tỷ đồng, đạt 75,85% so với kế hoạch.
- Doanh thu hoạt động tài chính: 100,578 tỷ đồng, tương ứng 126,33% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 98,577 tỷ đồng, đạt 129,63% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 94,345 tỷ đồng, đạt 132,47% so với kế hoạch.

2. Các cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty:

Trong năm 2020, HDQT đã thông qua các Nghị quyết, Quyết định chính như sau:

- Thông qua chi lương tháng thứ 13 cho cán bộ nhân viên dịp tết Nguyên đán 2020;
- Bổ nhiệm bà Vũ Hoài Châu giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty;
- Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Thực hiện lựa chọn đơn vị để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty;
- Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Thông qua chương trình và dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Thông qua phương án chi thù lao HDQT, BKS và Ban điều hành năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thông qua việc cử bà Trương Thị Phượng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất tại Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel;
- Thông qua việc chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thông qua dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông;
- Phê duyệt ủy quyền hạn mức của Tổng Giám đốc Công ty;
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.

3. Về công tác chỉ đạo tài chính:

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty trong việc sử dụng vốn có hiệu quả, quản lý tài



sản, quản lý hàng hóa, quản lý công nợ, giảm chi phí nhằm đem lại lợi nhuận, không để phát sinh tồn tại về quản lý tài chính và công tác kế toán.

4. Về quản lý và khai thác tài sản:

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, hầu hết các khách thuê liên tục đề nghị giảm giá, thu hẹp quy mô thuê hoặc trả lại diện tích thuê. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện nhiều giải pháp cho thuê để mang lại lợi ích tối đa và doanh thu cho hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty. Tổng thể năm 2020, khối văn phòng đã duy trì tỷ lệ lấp đầy khoảng 90% công suất cho thuê.

5. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý năm 2020:

Năm 2020, Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn, đồng thời tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Mặc dù Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19, nhưng Công ty vẫn đảm bảo hài hòa chế độ, chính sách cho người lao động.

6. Thù lao HĐQT, BKS năm 2020:

- Thù lao HĐQT, BKS năm 2020 đã được chi trả theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Công tác Quan hệ cổ đông và thực hiện nhiệm vụ của Công ty đại chúng:

- Công ty tuân thủ đầy đủ, kịp thời việc công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm; Thông báo chốt danh sách cổ đông; Báo cáo tình hình quản trị năm 2020 của Công ty... và các thông tin khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Cung cấp các thông tin về Công ty cho cổ đông theo yêu cầu; điều chỉnh thông tin theo yêu cầu của cổ đông nhanh chóng, kịp thời; tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Giải quyết các vướng mắc của cổ đông có liên quan theo thẩm quyền.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021:

I. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành công việc chung của Công ty, tìm kiếm đối tác và khách hàng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát chặt chẽ công nợ, tích cực đôn đốc chỉ đạo thu hồi nợ để tránh rủi ro mất vốn và chiếm dụng vốn xảy ra.
- Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2021 đề ra; cố gắng đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động, quyền lợi của cổ đông, nghĩa vụ đối với Nhà nước và tuân thủ theo Điều lệ, quy chế, pháp luật hiện hành và quy định của ngành.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

1. Hoạt động kinh doanh:

Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 sau khi được ĐHCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu thuần : 89,926 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 31,252 tỷ đồng

2. Các kế hoạch triển khai trong năm 2021:

Để phát triển các hoạt động của Công ty và khắc phục các ảnh hưởng của dịch Covid 19, HĐQT tiếp tục giám sát cũng như chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý của Công ty trong tất cả các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh, công tác tài chính, nhân sự, công tác khai thác tài sản. Thực hiện phương án thoái vốn tại một số công ty liên kết nếu hoạt động kinh doanh không hiệu quả phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.

Duy trì và phát triển cùng các đối tác, nhà cung cấp hiện tại bằng cách đáp ứng chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự; triển khai Công tác nhân sự có hiệu quả phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty.

Tăng cường triển khai các phương án sử dụng mặt bằng hợp lý, hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống kinh doanh dịch vụ.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định của Nhà nước, ngành và Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, chỉ tiêu nội bộ, bảo đảm tuân thủ các quy định, chuẩn mực pháp luật.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết của tất cả các cổ đông và người

lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV.

Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

Chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra.

C. KẾT LUẬN :

Hội đồng quản trị Công ty xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của các Quý vị cổ đông, đặc biệt là các Quý cổ đông lớn, sự nỗ lực cố gắng của Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cũng như sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành để Công ty có được những kết quả trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn báo cáo trên.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, xin kính chúc các Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, an khang, thịnh vượng!

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH CHUNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

Về số lượng và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội gồm có 03 thành viên:

- Ông Trần Xuân Sơn - Trưởng Ban
- Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên
- Bà Đào Thị Hiền - Thành viên

Ban Kiểm soát chúng tôi gồm 03 thành viên, Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách và 02 thành viên còn lại là kiêm nhiệm, ngoài các cuộc họp trực tiếp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin về công việc qua Email, điện thoại... đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nắm bắt, kiểm soát, xử lý công việc một cách tốt nhất có thể về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đưa ra các ý kiến đóng góp đánh giá chính xác và nhanh nhất.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện công việc kiểm tra giám sát của mình:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các nội dung kinh doanh năm 2020 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính hàng quý và năm.
- Thẩm định Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác Kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính năm 2019, các quý và năm 2020. Có ý kiến kịp thời để đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy trình, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Lập Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 để trình trước ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường theo các quy định của pháp luật, Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công ty.
- Ban Kiểm soát chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã tổ chức các đợt kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc của Công ty, trong các đợt kiểm tra đã nêu ra các tồn tại và kiến nghị gửi Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đơn vị hoàn thiện tốt hơn trong công tác kế toán cũng như sản xuất kinh doanh. Vào thời điểm các tháng cuối năm 2020 do dịch Covid bùng phát nên các kỳ kiểm tra tiếp theo như kế hoạch kiểm tra tại các đơn vị đã xây dựng trong năm 2020 của Ban Kiểm soát tạm thời thay đổi cách thức. Ban Kiểm soát không kiểm tra trực tiếp tại đơn vị mà kiểm tra trên các số liệu kế toán của các đơn vị kết xuất ra từ phần mềm kế toán cũng như các số liệu liên quan đến việc hoạt động kinh doanh cần thiết phải kiểm tra, kiểm soát khác.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đã ban hành.
- Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban chuyên môn trong công việc. Trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện các cuộc họp và làm việc với các nội dung:
Trong năm 2020, Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ với nội dung:

Số TT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết
1	Cuộc họp 1	31/03/2020	Thẩm định BCTC 2019 đã được Kiểm toán; Đánh giá tình hình kinh doanh quý 1/2020; Tham gia cũng như thống nhất các ý kiến của bản báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 để trình trước ĐHĐCĐ thường

			niên năm 2020; Đưa ra kế hoạch cũng như phân công công việc của các thành viên BKS trong giai đoạn tiếp theo; Đưa ra lịch kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc trong thời gian tới dựa trên tình hình thực tế khi mà dịch bệnh Covid đang bùng phát.
2	Cuộc họp 2	04/08/2020	Đánh giá BCTC và tình hình kinh doanh của Công ty 06 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch kiểm tra và hoạt động của BKS trong thời gian tới; Các ý kiến về Báo cáo đánh giá hoạt động bán niên 2020 của BKS.
3	Cuộc họp 3	13/11/2020	Đánh giá BCTC và tình hình kinh doanh của Công ty 09 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch kiểm tra và hoạt động của BKS trong thời gian tới; Một số vấn đề khác liên quan đến bộ máy hoạt động của Công ty.

Định kỳ 6 tháng và năm Ban Kiểm soát lập Báo cáo đánh giá tình hình kinh doanh của Công ty gửi Hội đồng quản trị, Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát:

1. Về tình hình tài chính năm 2020 của Công ty:

Qua quá trình giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và qua việc thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2020 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội, Ban Kiểm soát có các đánh giá như sau:

- Công ty trong năm 2020 đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.
- Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Ban Kiểm soát xác nhận số liệu tài chính đưa ra trong Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán thể hiện tính trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.
- Những số liệu chính về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	31/12/2020	31/12/2019
I	Tổng tài sản	883.725	890.899
1	Tài sản ngắn hạn	459.666	535.564
2	Tài sản dài hạn	424.059	355.335
II	Tổng nguồn vốn	883.725	890.899
1	Nợ phải trả	25.305	48.761
2	Vốn chủ sở hữu	858.420	842.138

STT	Hệ số tài chính	ĐVT	31/12/2020	31/12/2019
I	Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	52,01	60,12
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	47,99	39,88
II	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	2,86	5,47
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	97,14	94,53
III	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán hiện thời (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	25,78	13,33
2	Khả năng thanh toán nhanh {(Tiền+ các khoản tương đương tiền+ các khoản phải thu ngắn hạn+ các khoản đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn}	Lần	25,75	13,32
IV	Khả năng sinh lời			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	94.345	81.641
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%	10,99	9,69
3	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	10,68	9,16
V	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.261	1.091

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
1.Nợ ngắn hạn	17.830	40.190
- Phải trả người bán	452	1.217
- Người mua trả tiền trước	175	1.776
- Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	1.066	1.850
- Phải trả người lao động	740	883
- Chi phí phải trả	1.691	3.414
- Doanh thu chưa thực hiện	3.529	4.262
- Các khoản phải trả ngắn hạn	8.853	25.097

- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.323	1.691
2.Nợ dài hạn	7.475	8.571
- Phải trả dài hạn khác	7.475	8.571
Tổng cộng	25.305	48.761

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2020)

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
1.Các khoản phải thu ngắn hạn	32.727	34.385
- Phải thu từ khách hàng	3.880	15.088
- Trả trước cho người bán	291	928
- Các khoản phải thu khác	28.556	18.369
2.Các khoản phải thu dài hạn	699	717
Tổng cộng	33.426	35.102

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2020)

Qua một số chỉ tiêu tài chính Công ty có thể thấy:

- Về Công nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

+ Công nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là: 25.305 triệu đồng. Các khoản nợ ngắn hạn là 17.830 triệu đồng, chủ yếu là các khoản chi phí phải trả về các hợp đồng du lịch; xây dựng sửa chữa; may đồng phục; tiền điện; người mua trả tiền trước; thuế và các khoản phải nộp nhà nước; trích trước lương tháng 13; tiền thưởng, ăn trưa; Thù lao HĐQT, BKS; Doanh thu chưa thực hiện; trả cổ tức; tiền lãi trả các nhà đầu tư cổ phần hóa; Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn... Các khoản nợ dài hạn là 7.475 triệu đồng là các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn.

+ Công nợ phải thu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là: 33.426 triệu đồng. Tập trung chủ yếu là công nợ phải thu ngắn hạn: 32.727 triệu đồng; trong đó công nợ phải thu ngắn hạn từ khách hàng: 3.880 triệu đồng tập trung chính ở hai đơn vị kinh doanh là: Trung tâm dịch vụ, đại lý vé máy bay và văn phòng Công ty. (Công nợ phải thu này vẫn tập trung tại một số khách hàng lớn thường xuyên mua hàng hóa, dịch vụ của Công ty)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Công nợ tại Trung tâm lữ hành	95
	- Các khách hàng khác	95
2	Trung tâm dịch vụ, Đại lý vé máy bay	3.011
	- Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	476
	- Các khách hàng khác	2.535
3	Văn phòng Công ty	774
	- Các khách hàng khác	774
	Tổng	3.880

Ngoài ra các khoản phải thu ngắn hạn khác là 28.556 triệu đồng bao gồm các khoản phải thu như: Phải thu về lãi tiền gửi 11.523 triệu đồng; Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel 10.612 triệu đồng; Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn 5.366 triệu đồng; Tạm ứng cho nhân viên... Các khoản phải thu dài hạn 699 triệu đồng cũng bao gồm là các khoản ký cược, ký quỹ.

- Về một số chỉ tiêu tài chính:

Với số liệu như bảng tính trên tại thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển. Cụ thể như sau:

+ Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 883.725 triệu đồng, giảm nhẹ 0,81% so với tại thời điểm 31/12/2019; trong đó: Tài sản ngắn hạn chiếm 52,01% và tài sản dài hạn chiếm 47,99%;

+ Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 858.420 triệu đồng, tăng 1,93% so với thời điểm 31/12/2019;

+ Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 25.305 triệu đồng, giảm 48,10% so với tại thời điểm 31/12/2019;

+ Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 25 có thể thấy tình hình tài chính của Công ty tốt, đảm bảo khả năng thanh khoản cho công nợ. Lý do chính mà khả năng thanh toán tăng cao một phần là do Công ty thu hồi công nợ tốt hơn các năm trước và một phần là trong năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế của thế giới cũng như Việt Nam, lượng khách du lịch cũng như các khách hàng mua vé máy bay giảm sút đáng kể dẫn đến hai đơn vị trực thuộc Công ty là Trung tâm Lữ hành và TTDV, Đại lý vé máy bay kinh doanh giảm sút nên tình hình công nợ khách hàng giảm đi rất nhiều, có thể thấy như Trung tâm Lữ hành năm 2020 gần như là không còn công nợ phải thu của khách.

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

- Theo như kế hoạch SXKD của Công ty năm 2020 đã được Đại Hội đồng cổ đông ngày 22/06/2020 thông qua:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% TH/KH 2020
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	169.616	168.854	99,55%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr.đ	91.537	70.587	77,11%
- Các khoản giảm trừ doanh thu	Tr.đ	1.536	2.322	151,17%

- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	79.613	100.578	126,33%
- Thu nhập khác	Tr.đ	2	11	550,00%
2. Tổng chi phí	Tr.đ	93.573	70.278	75,10%
- Chi phí giá vốn	Tr.đ	64.503	44.549	69,07%
- Chi phí bán hàng	Tr.đ	6.592	5.594	84,86%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	19.653	18.297	93,10%
- Chi phí tài chính và chi phí khác	Tr.đ	2.825	1.838	65,06%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	76.042	98.576	129,63%
4. Thuế TNDN	Tr.đ	4.819	4.231	87,80%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	71.222	94.345	132,47%
6. Lợi nhuận của các Công ty con, Công ty liên kết được chia	Tr.đ	55.450	69.442	125,23%
7. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	71.222	94.345	132,47%
8. Tỷ suất LNST/VĐL	%	9,52	12,61	
1. Vốn Điều lệ	Tr.đ	748.000	748.000	100%
Trong đó:				
- Phần vốn nhà nước	Tr.đ	338.030	338.030	
- Phần vốn huy động	Tr.đ	409.970	409.970	

Dựa theo bản so sánh trên thấy rằng, năm 2020 tuy là một năm mà dịch bệnh Covid trên thế giới cũng như tại nước ta hoành hành ảnh hưởng đến nền kinh tế. Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh một cách khó khăn, cầm chừng nhất là các doanh nghiệp kinh doanh về lĩnh vực du lịch, khách sạn... khó khăn lại càng khó khăn hơn. Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội có 03 mảng kinh doanh chính là: Du lịch lữ hành, bán vé máy bay và Cho thuê Bất động sản thì trong đó 02 mảng kinh doanh là Du lịch lữ hành và bán vé máy bay bị ảnh hưởng lớn, đình trệ, hoạt động không hiệu quả. Chỉ còn mảng kinh doanh cho thuê Bất động sản còn hoạt động được nhưng cũng bị ảnh hưởng một phần nào. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên các phòng ban đơn vị đã hoàn thành được phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- + Tổng doanh thu năm 2020 đạt **168.854** triệu đồng và đạt **99,55%** so với kế hoạch (*trong đó Doanh thu cung cấp dịch vụ là 70.587 triệu đồng đạt 77,11% so với kế hoạch*)
- + Lợi nhuận trước thuế thực hiện là **98.576** triệu đồng đạt **129,63%** so với kế hoạch;
- + Lợi nhuận sau thuế thực hiện là **94.345** triệu đồng đạt **132,47%** so với kế hoạch.
- + Về phần Lợi nhuận các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Theo như Báo cáo tài chính năm 2020 của các Công ty này:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019
1	Công ty LD KS TNHH Hà Nội Hotel	806	104.609
2	Công ty TNHH Global Toserco	(4.359)	68.988
3	Công ty CP Hanoi Tourist Taxi	1.773	302
4	Công ty CP Du lịch và Thương mại Sao phương đông	Chưa có số liệu	166

Có thể nói rằng, kết quả lợi nhuận của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội đạt được một phần là do tự doanh còn một phần lớn còn lại là do lợi nhuận được chia từ các bên Liên doanh Khách sạn đem lại. Trước tình hình dịch bệnh Covid việc kinh doanh tại các khách sạn này bị giảm sút và chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Theo như số liệu về lợi nhuận sau thuế thu nhập của các Khách sạn Liên doanh Liên kết chúng ta thấy được ở bảng trên năm 2021 tiếp theo sẽ là một năm khó khăn và đòi hỏi một sự nỗ lực rất lớn để vượt qua.

3. Về Công tác quản trị và điều hành:

a. Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Các nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2020 đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và các hoạt động SXKD của Công ty. Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

b. Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa ra các giải pháp trong kinh doanh tại các đơn vị, lĩnh vực kinh doanh: hoạt động cho thuê văn phòng, Du lịch, bán vé Máy bay,... trong giai đoạn dịch bệnh Covid hoành hành trên thế giới cũng như tại Việt Nam để tiến tới giải quyết các khó khăn trong kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh cả năm 2020.

c. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị chức năng để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát; Đưa ra các ý kiến, kiến nghị kịp thời để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban, đơn vị trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

4. Về mức lương và thù lao của Ban Kiểm soát năm 2020:

Năm 2020 Công ty đã thực hiện việc chi trả lương và thù lao của Ban Kiểm soát theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

III. Phương hướng hoạt động năm 2021 và kiến nghị:

1. Phương hướng hoạt động:

- Lập kế hoạch và kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác kinh doanh tại Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm của Công ty. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Tổ chức kiểm tra bất thường khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc theo yêu cầu của cổ đông theo quy định;
- Giám sát việc chấp hành các Quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các quy chế, quy trình cho phù hợp các quy định hiện hành của Nhà Nước và thực hiện hoạt động của Công ty;
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các phòng ban đơn vị nhằm thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát để có các kiến nghị và đóng góp kịp thời đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trình ĐHĐCĐ Báo cáo thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

2. Kiến nghị:

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có. Mở rộng và phát triển ngành nghề mới có tiềm năng thúc đẩy hoạt động Sản xuất kinh doanh;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát chi phí, chi phí giá vốn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2021;

- Ngoài ra, trong tình hình dịch bệnh Covid bùng phát trong năm 2020 và các tháng đầu năm 2021 như hiện nay và có diễn biến ngày càng xấu ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế cả nước nói chung và Công ty nói riêng. Các mảng kinh doanh về Lữ hành, vé máy bay cũng như các dịch vụ cho thuê bất động sản bị ảnh hưởng rất lớn. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cần có các giải pháp, kế hoạch, chiến lược kinh doanh sao cho phù hợp với tình hình thực tế hiện tại.

Trên đây là nội dung kết quả trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính thưa đại hội, Ban kiểm soát chúng tôi được bầu ra với sự tin tưởng của ĐHĐCĐ và đã hoạt động được 05 năm, tính đến thời điểm này đã hết nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát chúng tôi xin được cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông cũng như Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty trong thời gian vừa qua đã tạo điều kiện cũng như cùng đồng hành với Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát chúng tôi hoàn thành được tốt công việc mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó.

Xin trân trọng cảm ơn!

Kính chúc sức khỏe Quý đại biểu; Quý cổ đông.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi gửi:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban điều hành;
- BKS;
- Văn thư.

TẠI BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CÓ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ
HÀ NỘI
BÀ ĐÌNH - T.P HÀ NỘI
M.S.D.N: 0100 100 100 150
C.T.Đ.Đ.Đ.
Trần Xuân Sơn

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: *Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty*)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”);
- Căn cứ vào Nghị quyết số 07 ngày 22 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông một số nội dung chính như sau:

1. Bảng cân đối kế toán:

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		459,665,966,696	535,564,564,663
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16,905,354,151	21,387,519,790
Tiền	111		6,705,354,151	9,587,519,790
Các khoản tương đương tiền	112		10,200,000,000	11,800,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		409,393,497,316	479,404,372,201
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	409,393,497,316	479,404,372,201
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32,726,640,324	34,385,488,845
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3,879,598,320	15,087,880,001
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	291,476,900	928,407,494
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	28,555,565,104	18,369,201,350
Hàng tồn kho	140		338,841,761	380,389,869
Hàng tồn kho	141		338,841,761	380,389,869
Tài sản ngắn hạn khác	150		301,633,144	6,793,958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301,297,884	-
Thuế gtgt ĐC khấu trừ			335,260	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	6,793,958
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		424,058,871,275	355,334,656,744
Các khoản phải thu dài hạn	210		699,202,250	717,202,250
Phải thu dài hạn khác	216		699,202,250	717,202,250
Tài sản cố định	220		5,791,322,951	6,277,000,556
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5,791,322,951	6,277,000,556
Nguyên giá	222		24,999,707,915	24,999,707,915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		- 19,208,384,964	(18,722,707,359)
Bất động sản đầu tư	230	11	46,593,599,289	48,918,389,037
Nguyên giá	231		75,236,709,739	75,236,709,739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		- 28,643,110,450	(26,318,320,702)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		368,269,205,597	287,646,705,597
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(c)	285,774,104,867	285,774,104,867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6 (c)	1,872,600,730	1,872,600,730
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6 (b)	80,622,500,000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2,705,541,188	11,775,359,304
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2,705,541,188	11,775,359,304
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		883,724,837,971	890,899,221,407



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		25,304,667,682	48,761,382,035
Nợ ngắn hạn	310		17,829,523,638	40,190,035,122
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	452,148,632	1,217,137,703
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	174,613,640	1,776,343,689
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1,065,951,468	1,849,829,754
Phải trả người lao động	314		740,143,983	882,698,649
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1,691,300,952	3,413,664,071
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	3,529,338,533	4,261,736,765
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	8,852,828,944	25,097,445,399
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,323,197,486	1,691,179,092
Nợ dài hạn	330		7,475,144,044	8,571,346,913
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	7,475,144,044	8,571,346,913
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		858,420,170,289	842,137,839,372
Vốn chủ sở hữu	410	19	858,420,170,289	842,137,839,372
Vốn cổ phần	411	20	748,000,000,000	748,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748,000,000,000	748,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1,231,896,222	1,231,896,222
Cổ phiếu quỹ	415	-	34,320,000	(34,320,000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	12,967,669,701	9,389,482,871
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,254,924,366	83,550,780,279
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1,909,543,997	1,909,543,997
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		94,345,380,369	81,641,236,282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		883,724,837,971	890,899,221,407

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1	24	70,586,548,037	168,771,969,283
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	24	2,322,058,016	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	68,264,490,021	168,771,969,283
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		44,548,564,080	135,560,088,490
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		23,715,925,941	33,211,880,793
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	100,577,560,281	85,739,088,677
Chi phí tài chính	22		1,772,760,532	510,914,466
Chi phí bán hàng	25	27	5,593,668,421	9,138,685,439
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18,296,854,524	18,143,914,185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		98,630,202,745	91,157,455,380
Thu nhập khác	31		11,402,964	883,134,043
Chi phí khác	32		64,893,782	2,749,593,058
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(53,490,818)	(1,866,459,015)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98,576,711,927	89,290,996,365
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4,231,331,558	7,649,843,720
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30		(83,637)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		94,345,380,369	81,641,236,282
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1,261	1,091

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN MINH CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2021/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội ("Công Ty");
- Căn cứ kết quả XSKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021;
- Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	94,345,380,369
II	Trích các quỹ, chi trả cổ tức năm 2020	94,345,380,369
1	Trích quỹ đầu tư phát triển = 8.04%*(I)	7,586,834,802
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi = 2.5%*(I)	2,358,634,509
3	Quỹ thưởng BĐH, HĐQT, BKS = 2.25% * (I)	2,122,771,058
4	Chi trả cổ tức 11% trên số cổ phiếu lưu hành (74.797.400 Cổ phiếu đang lưu hành)	82,277,140,000
III	Lợi nhuận sau thuế còn lại (III = I-II)	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT BKS;
- Lưu VP HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH CHUNG

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”);
- Căn cứ kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021;
- Căn cứ kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 22/06/2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty năm 2020 và kế hoạch thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2020 (đã bao gồm thuế TNCN và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán 2021) là:

+ Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020	: 1.027.000.000 đồng
+ Tổng thù lao Ban Kiểm soát năm 2020	: 507.000.000 đồng
Tổng cộng	: 1.534.000.000 đồng

2. Kế hoạch lương/thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2021 (đã bao gồm thuế TNCN và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán 2022) như sau:

2.1. Hội đồng quản trị (7 thành viên):

+ Chủ tịch HĐQT	: 15.000.000 đồng/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT	: 12.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT	: 10.000.000 đồng/người/tháng

2.2. Ban Kiểm soát (3 thành viên):

+ Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	: 29.000.000 đồng/tháng
Và được hưởng chế độ phúc lợi theo quy định chung của Công ty.	
+ Thành viên BKS	: 5.000.000 đồng/người/tháng

Tổng dự toán lương/thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021 là 1.534.000.000 đồng, đã bao gồm thuế TNCN và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
Số: 14./2021/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội ("Công Ty");

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công Ty (*Phụ lục những điểm sửa đổi, bổ sung và Dự thảo Điều lệ sửa đổi đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công ty và thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ
HÀ NỘI
NGUYỄN MINH CHUNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Tên Tiếng Anh: HANOI TOURIST SERVICE JOINT - STOCK COMPANY

Tên viết tắt Tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Tên viết tắt Tiếng Anh: HANOI TOSERCO

Địa chỉ trụ sở chính Công ty: Số 273, phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3726 2626 Fax: (024) 3726 2728

E-mail: hanoitoserco@tosercohanoi.com

Website: www.tosercohanoi.com; www.hanoitoserco.com; www.hanoitoserco.com.vn

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 10. Thu hồi cổ phần	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty.....	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành của Công Ty.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	32
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	33
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	35
Điều 44: Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ, HĐQT chấp thuận.....	35
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	37

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	37
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 49. Năm tài chính.....	38
Điều 50. Chế độ kế toán	38
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	38
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 53. Kiểm toán	38
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	39
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	39
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	39
Điều 55. Giải thể công ty.....	39
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 57. Thanh lý.....	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 59. Điều lệ công ty.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI TOURIST SERVICE JOINT-STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: HANOI TOSERCO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 273, phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: (024) 3726 2626

- Fax: (024) 3726 2728

- E-mail: hanoitoserco@tosercohanoi.com

- Website: www.tosercohanoi.com; www.hanoitoserco.vn; www.hanoitoserco.com.vn

- Biểu tượng:



Màu sắc: Xanh nước biển sẫm, đỏ sẫm, màu trắng.

Logo: Vòng tròn được chia cắt bởi chữ TSC, 3 chữ này được nằm gọn trong vòng tròn.

Chữ Hanoi Toserco được viết theo font chữ VN Helvetins.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng Giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như sau:

- Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:
- + Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/có vốn góp của Công ty).
- + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật đối với các công việc thuộc thẩm quyền như sau:

- Điều hành, quyết định đối với hoạt động kinh doanh, thương mại – dịch vụ và các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty.
- Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:
- + Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- + Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa	7912 (Chính)
2	Đại lý du lịch	7911
3	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
4	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển khách du lịch	4932
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke)	5510
6	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể cho người lao động nước ngoài và các đối tượng khác, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều trại du lịch.	5590

TT	Tên ngành	Mã ngành
	- Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại.	
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke)	5610
8	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
9	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
10	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
11	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
14	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động điều tra)	7320
15	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
16	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
18	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết nhóm này gồm: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
19	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
20	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
21	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
22	Xây dựng nhà các loại	4100
23	Phá dỡ	4311
24	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
25	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
27	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết nhóm này gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động;	4329

TT	Tên ngành	Mã ngành
	+ Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Loại trừ: Lắp đặt hệ thống nung điện ván gỗ ghép chân tường được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện)	
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
30	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
31	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
32	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
34	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
35	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
36	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá ngoại)	4711
37	Bán lẻ lương thực, thực phẩm đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
38	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
39	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
40	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

TT	Tên ngành	Mã ngành
44	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý vé máy bay	5229
45	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản.	6820
46	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
47	Cho thuê xe có động cơ	7710
48	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: * Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Nhóm này gồm: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển: - Dàn giáo, bệ, không phải lắp ghép hoặc tháo dỡ. * Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) Nhóm này gồm: Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển: - Máy tính và thiết bị ngoại vi; - Máy nhân bản, máy đánh chữ và máy tạo từ; - Máy và thiết bị kế toán: máy đếm tiền, máy tính điện tử...; - Đồ văn phòng. * Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: + Mô tô, xe lưu động, cắm trại... - Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển: + Thuyền và tàu thương mại. - Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển: + Máy bay; + Khinh khí cầu. Nhóm này cũng gồm: - Cho thuê palet.	7730
49	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
50	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
51	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
52	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

TT	Tên ngành	Mã ngành
	(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài); (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty toàn quyền xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung các ngành, nghề kinh doanh của Công ty và thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước theo quy định để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội được thành lập nhằm mục tiêu:

- a) Nâng cao giá trị doanh nghiệp;
- b) Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động;
- c) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty;
- d) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hà Nội và cả nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam. Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **748.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tám tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **74.800.000 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách

nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

h) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Công Ty có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Công Ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công Ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa hai (02) ứng

viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ đủ 50% trở lên được đề cử tối đa là 05 (năm) ứng cử viên.

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin địa chỉ cho Công Ty khi đăng ký mua cổ phần và/hoặc khi thay đổi thông tin địa chỉ.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công Ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm

họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp; dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan; các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;

- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng

loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết

tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến các nghị quyết

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành :

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này và khoản 8 Điều 22 Điều lệ.

4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Nghị quyết của ĐHCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Các quy định khác theo Thông báo của Công Ty tại thời điểm gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công Ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo mẫu của Công Ty;
- g) Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công Ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định:

a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

c) Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công Ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Nhà máy/văn phòng đại diện; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Công Ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.

f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty, trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

g) Thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Hội đồng lương thưởng và các vấn đề có liên quan;

h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty.

i) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công Ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các

thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 6/7 tổng số thành viên trở lên dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công Ty xây dựng bộ máy quản lý để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày. Bộ máy quản lý của Công Ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công Ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành của Công Ty

1. Người điều hành Công Ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty được tuyển dụng người quản lý với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty do Hội đồng quản trị quy định. Người quản lý phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Công Ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Công Ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công Ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Công Ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty .

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty con, Công Ty khác do Công Ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.¹

4. Giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá

¹ Không bắt buộc với Công ty không đại chúng (Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 44: Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối

tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải phù hợp quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và pháp luật về chứng khoán.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện (bản gốc hoặc bản sao chứng thực của giấy ủy quyền); giấy ủy quyền được thực hiện theo mẫu của Công ty (nếu có).

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều

kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và những người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên

quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Minh Chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02 /TT-BKS

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty.

Ban Kiểm soát Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội thông qua việc sửa đổi/bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (*nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm tờ trình*)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Trần Xuân Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-BKS ngày tháng năm 2021
Của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021.

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng

cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trường Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty do mình thực hiện. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới;
3. Thành viên được Trường Ban Kiểm soát phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, có trách nhiệm giúp Trường Ban Kiểm soát tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực được phân công và có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trường Ban Kiểm soát;
4. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần và ít nhất 02 (hai) lần trong một năm vào ngày thích hợp do Trường Ban Kiểm soát triệu tập tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát có mặt hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản tham dự.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ nhằm phục vụ và đảm bảo lợi ích chung của Cổ đông Công ty.

2. Cuộc họp bất thường: Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của ít nhất 02 thành viên Ban Kiểm soát.

3. Biểu quyết:

- Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trường Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trường Ban Kiểm soát vắng mặt).

- Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát

- Trưởng Ban Kiểm soát cử một thành viên lập biên bản cuộc họp.
- Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau:
 - + Ngày, tháng, năm họp. Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;
 - + Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
 - + Thành phần tham dự họp/ những người vắng mặt;
 - + Những nội dung được đưa ra trao đổi;
 - + Kết luận từng vấn đề.

Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được thông qua ngay sau cuộc họp và có chữ ký của các thành viên dự họp. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp;

- Trưởng Ban Kiểm soát quản lý Biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Mối quan hệ với Cổ đông

Ban Kiểm soát và các thành viên của Ban Kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra nếu có yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 26. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động. Theo dõi việc chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất việc thuê chuyên gia. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Mối quan hệ với Tổng giám đốc/ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng giám đốc/ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc/ban điều hành.

Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Các báo cáo Tổng Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với kiến nghị của Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

Tổng Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban Kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Điều 28. Mối quan hệ với các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty

Giám đốc/ Trưởng các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu được cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm 07 chương, 29 điều và có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày tháng năm 2021;
2. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát xem xét quyết định;
3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật nhưng chưa được cập nhật trong quy chế này sẽ được ưu tiên áp dụng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật;
4. Các thành viên Ban Kiểm soát và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 15/2021/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công Ty”);

Để vấn đề quản trị nội bộ của Công Ty được thiết lập trên cơ sở những quy tắc chuẩn mực, tôn trọng pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; mục tiêu hướng tới là kiểm soát nội bộ Công Ty được công khai, minh bạch, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại không cần thiết cho Công Ty. Đồng thời để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung (*Phụ lục những điểm sửa đổi, bổ sung và Dự thảo Quy chế sửa đổi đính kèm*).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, HĐQT.



Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	6
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	7
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 8. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	8
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	9
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	9
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	10
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu	10
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 19. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	11
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	11

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	11
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	11
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ... 11	
Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 33. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	13
Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	13
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	13
Điều 35. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý	13
Điều 36. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	13
Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên	14
Điều 39. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	14
Điều 40. Cách thức biểu quyết	15
Điều 41. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	15
Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 43. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 44. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 45. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	15

Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	15
Điều 46. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	16
Mục 6. Người phụ trách quản trị Công ty.....	16
Điều 47. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty.....	16
Điều 48. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	16
Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	16
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	16
Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.....	16
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	16
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	16
Điều 52. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên	16
Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	16
Điều 53. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.....	16
Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	17
Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	17
Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	17
Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	17
Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	17
Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	17
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	17
Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	17
Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	17
Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	17
Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;.....	18
Điều 62. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;.....	18
Điều 63. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.....	18
Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	18
Điều 65. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	18
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	18

Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	18
.....	
Điều 66. Thủ tục, trình tự triệu tập họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Công ty.....	18
Điều 67. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.	19
Điều 68. Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.	19
Điều 69. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS Công Ty.	19
Điều 70. Phối hợp công việc của Ban Tổng Giám đốc và BKS Công Ty.	20
Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	20
Điều 71. Đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.....	21
Điều 72. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS.....	21
Điều 73. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công Ty.....	21
Điều 74. Hiệu lực thi hành	21

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD theo Quy chế thực hiện quyền do VSD ban hành.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc

trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (*được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông*) về Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Quy định tại khoản 1 Điều 20 điều lệ Công ty.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội:

a. Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Thẻ biểu quyết hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Công Ty được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội.

b. Tại mỗi kỳ họp, Đại hội đồng cổ đông quyết định cách thức bỏ phiếu tại Đại hội như sau:

(i) Sử dụng hai loại Thẻ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Thẻ biểu quyết chung đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết chung có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

- Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết này có các thông tin về: mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội, các nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông Công ty.

(ii) Sử dụng một loại Thẻ biểu quyết chung tại đại hội: các cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết chung để biểu quyết tất cả các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình gồm:

- Biểu quyết tán thành; hoặc
- Biểu quyết không tán thành; hoặc
- Biểu quyết không có ý kiến.

3. Mỗi Thẻ biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay

sau khi việc biểu quyết kết thúc;

2. Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

3. Trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Ban Tổ chức chuẩn bị các hòm phiếu và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo Biên bản họp phải được công bố thông tin trong vòng 24h kể từ khi thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 19. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất

kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 47, Điều 48, Điều 49 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

Điều 33. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 35. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý

Hội đồng quản trị họp tối thiểu mỗi quý một lần.

Điều 36. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 39. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất sáu phần bảy (6/7) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một

nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 40. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

Điều 41. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 43. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp;

Điều 44. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo/công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 46. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Mục 6. Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 47. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 48. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp;

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

Điều 52. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty
3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Điều lệ Công ty
4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 53. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty;

Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty;

Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.

Điều 63. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm TGD mới khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với người điều hành khác của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty:
 - Có đơn xin nghỉ việc;
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc;
 - Theo quyết định của HĐQT.

Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 66. Thủ tục, trình tự triệu tập họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Công ty.

1. Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu hoạt

động kinh doanh của Công Ty.

2. Trong trường hợp cần có sự tham gia họp của HĐQT và BKS, Tổng Giám đốc gửi Giấy mời họp tới Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban BKS để mời tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc Công Ty nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT chủ động phân công các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của HĐQT Công Ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát chủ động phân công các thành viên BKS tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của BKS Công Ty.

5. Cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc được ghi biên bản (nếu cần thiết), lưu trữ biên bản họp cùng các tài liệu liên quan theo quy định của Công ty.

6. Kết thúc cuộc họp, Tổng Giám đốc gửi biên bản cuộc họp tới các cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện, gửi Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS tham gia họp để báo cáo.

Điều 67. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát trong vòng tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 68. Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Tổng Giám đốc và đa số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Các vấn đề cần xin ý kiến phải thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, nếu thấy không cần thiết phải tiến hành họp, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời, phân tích rõ lý do từ chối.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 69. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS Công Ty.

1. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Tổng Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.

2. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 70. Phối hợp công việc của Ban Tổng Giám đốc và BKS Công Ty.

1. BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Công Ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Công Ty.

2. Trưởng BKS thông báo cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Tổng Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS.

4. Trong quá trình kiểm tra, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty.

5. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Tổng Giám đốc, HĐQT để biết thông tin.

6. Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty để Ban Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công Ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để nắm thông tin và triển khai chỉ đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.

Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người

điều hành doanh nghiệp khác

Điều 71. Đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên HĐQT đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Chủ tịch HĐQT giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.

2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên HĐQT theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.

3. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 72. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS

1. Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên BKS đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Trưởng BKS giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.

2. Trưởng BKS quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên BKS theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.

3. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

Điều 73. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công Ty.

1. Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công Ty thực hiện đánh giá KPI hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định của Công Ty.

2. Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả đánh giá KPI của Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công Ty theo thẩm quyền quyết định tại Điều lệ Công Ty và quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, người điều hành khác của Công Ty trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được, mức độ hoàn thành kế hoạch ngân sách năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và báo cáo đánh giá của BKS về kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc.

Điều 74. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm 74 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2021/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội ("Công Ty");

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ("ĐHĐCĐ") của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty (*Dự thảo Quy chế đính kèm*).

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, HĐQT.



Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 07 (bảy) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty và Quy định pháp luật

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Nhà máy/văn phòng đại diện; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Công Ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.

f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty, trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

g) Thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Hội đồng lương thưởng và các vấn đề có liên quan;

h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty.

i) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công Ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử

viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công Ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 6/7 tổng số thành viên trở lên dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- g) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- h) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- i) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- k) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 17/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 26/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế,

HĐQT Công ty cổ phần Du lịch dịch vụ Hà Nội kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua về việc lựa chọn công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2021 như sau:

1. Cơ sở đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, theo các quy định của các chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS); nằm trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán của Bộ Tài chính.

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Hà Nội;

- Có mức phí phù hợp và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu chí nêu trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật là Công ty TNHH KPMG và giao Tổng Giám đốc của Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN MINH CHUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**
Số: 18.. /2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công Ty”);
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 12/03/2021 của Hội đồng quản trị Công Ty về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty năm 2016 – 2020 đã kết thúc. Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã gửi Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2021 - 2026 tới các cổ đông của Công ty theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua nhiệm kỳ của thành viên HĐQT và BKS là 5 năm (2021 - 2026).
2. Thông qua việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026: 07 (bảy) thành viên.
3. Thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026: 03 (ba) thành viên.

Căn cứ vào hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS kính đề nghị Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Kính trình Đại hội cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- CBT (Website, IDS, CIMS);
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

